TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 3 - 2024
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh

2. Ông Trừ Trung Tín

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Bé Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Dương Thị Mỹ P**, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Minh K**, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ P trình bày: Chị và anh Huỳnh Minh K cưới nhau vào năm 2015. Hôn nhân do quen biết tìm hiểu nhau trước, sau đó được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long ngày 22/12/2015. Nữ trang cưới: 08 chỉ vàng 24K; vợ chồng thống nhất bán hết để chi tiêu trong gia đình và nuôi con, hiện nay không còn. Sau khi cưới, vợ chồng về sống chung với gia đình chồng tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; hạnh phúc được khoảng 04 năm. Có được 01 con chung: Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày 05/11/2016 hiện sống với anh K. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không tạo lập tài sản chung; không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm

2020 về kinh tế gia đình; vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau, từ đó dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc; ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu giải quyết được ly hôn anh Huỳnh Minh K; về con chung: Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày 05/11/2016 chị đồng ý để anh K tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2024 cháu Huỳnh Thị Trúc L trình bày:* cha cháu là Huỳnh Minh K, mẹ cháu là Dương Thị Mỹ P; trong trường hợp Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tại phiên tòa: *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Mỹ P. Về quan hệ hôn nhân: chị P được ly hôn anh Huỳnh Minh K; Về con chung: giao cháu Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày 05/11/2016 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng; chị P chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở; Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về án phí buộc chị P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị P được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013219 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, chị P không phải nộp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Dương Thị Mỹ P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Huỳnh Minh K, anh K có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Chị Dương Thị Mỹ P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P.

[1.3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn anh Huỳnh Minh K tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh K vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Mỹ P và anh Huỳnh Minh K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ tháng 9/2020 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh K, chị yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn anh K là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày 05/11/2016.

Chị P yêu cầu giải quyết cho anh K được quyền nuôi con. Xét thấy từ khi chị P và anh K không còn sống chung, anh K là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo; cháu Trúc L có nguyện vọng sống với cha. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên anh K không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Dương Thị Mỹ P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị Mỹ P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Mỹ P và anh Huỳnh Minh K.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày 05/11/2016 cho anh Huỳnh Minh K trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Huỳnh Minh K không yêu cầu chị Dương Thị Mỹ P cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Dương Thị Mỹ P có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Huỳnh Thị Trúc L được sống chung với anh Huỳnh Minh K.

Chị Dương Thị Mỹ P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Chị Dương Thị Mỹ P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Mỹ P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị P nộp theo biên lai thu số 0013219 ngày 30/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị P đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Nguyễn Văn Thành, Bình Tân, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân